| | |
|---|---|
| **oTÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TÂN PHÚ**<br>**TỈNH ĐỒNG NAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 27/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 29-3-2024
V/v "Ly hôn".

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Đại.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Công Gia và ông Lê Văn Ánh

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Lý Thị Chuyên -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa*:** Bà Trương Thị Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 426/2023/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2023 về việc: "Ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1983

Địa chỉ: Ấp Phú Lợi, xã T, huyện P, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Kiều M, sinh năm 2000

Địa chỉ: Ấp 2, xã A, huyện P, tỉnh Đồng Nai.

*(Anh L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; chị M vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ghi ngày 15/9/2023, các lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn trình bày:*

*Về quan hệ hôn nhân*: Anh L và chị M tự nguyện tìm hiểu tiến tới hôn nhân vào năm 2022 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14/02/2022, số 07/2022.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2023 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không còn hợp nhau nên thường xuyên xảy ra cự cãi, xung đột, tình cảm vợ chồng cũng dần phai nhạt. Anh và chị M đã không còn sống chung với nhau từ tháng 7/2023 cho đến nay.

Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn và không thể về đoàn tụ với nhau được nữa nên anh L yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với chị M.

*Về con chung*: Anh L và chị M không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về tài sản chung*: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về nợ chung:* Không có nợ bất kỳ cá nhân, cơ quan, tổ chức nào.

*Bị đơn chị Nguyễn Kiều M mặc dù được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng trong quá trình chuẩn bị xét xử không có ý kiến, đồng thời vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.*

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án chứng cứ gồm: Căn cước công dân (bản sao), giấy chứng nhận kết hôn (bản chính), bản tự khai (bản chính).

Để giải quyết vụ án, theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án đã tiến hành thu thập những tài liệu, chứng cứ sau: biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân của các đương sự.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự ; căn cứ các các Điều 19, 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của anh L, cho anh L được ly hôn chị M.

+ Về con chung: Không có con chung nên không xem xét.

+ Về tài sản chung: Không có nên không xem xét.

+ Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

+ Về án phí: Anh L phải nộp 300.000đ án phí Dân sự sơ thẩm về ly hôn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Anh L có đơn khởi kiện ly hôn . Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là "Ly hôn" và xác định anh L là nguyên đơn, chị M là bị đơn.

[1.2] Chị M có nơi cư trú tại xã A, huyện P, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thì Tòa án nhân dân huyện Tân Phú có thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ kiện.

[1.3] Anh L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; chị Nguyễn Kiều M, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Năm 2022 anh L, chị M tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện P và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14/02/2022. Như vậy, hôn nhân giữa anh L, chị M được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nay anh L yêu cầu ly hôn, thì Tòa án áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình để giải quyết.

Trên cơ sở lời khai của các đương sự thể hiện: Anh L yêu cầu ly hôn với nguyên nhân tính tình vợ chồng không còn hợp nhau nên thường xuyên xảy ra cự cãi, xung đột, vợ chồng đã không còn sống chung với nhau từ tháng 07/2023 cho đến nay.

Qua xác minh tại địa phương cho thấy vợ chồng anh L, chị M không còn hạnh phúc và đã không còn chung sống với nhau từ tháng 7/2023 cho đến nay.

Xét thấy, anh L, chị M hiện nay đã không còn sống chung với nhau, bản thân chị M đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị M vẫn không đến tòa làm việc, thể hiện chị M không mong muốn hòa giải để vợ chồng cùng đoàn tụ sống chung.

Như vậy, có căn cứ xác định anh L, chị M đã vi phạm nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Để anh L, chị M sớm có điều kiện ổn định cuộc sống của mình, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh L, cho chị được ly hôn với chị M.

[2.2] Về con chung: Anh L khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Do trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của chị M về yêu cầu này vì vậy khi nào có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[3] Về án phí: Anh L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000đ.

Xét quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử do đó được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 19, 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn L.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Nguyễn Văn L được ly hôn với chị Nguyễn Kiều M.

- *Về con chung:* Anh L và chị M không có con chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Khi nào có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

2. *Về án phí:* Anh L phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000 đồng anh L đã nộp theo biên lai thu số 0001495 ngày 03/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú được chuyển thành án phí.

3. Anh L, chị M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**
- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã T (để ghi vào sổ hộ tịch; số 07/2022 ngày 14/02/2022);
- Lưu HS – LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Bá Đại**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN** **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trịnh Ngọc Thành** **Nguyễn Văn Mẫn** **Nguyễn Bá Đại**